

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2024/DS- ST

Ngày: 25/4/2024

V/v: *Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

2. Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 186/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST- DS ngày 29 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP N; địa chỉ: 2 đường C, phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ Quốc D và/hoặc ông Trần Duy K và/hoặc ông Nguyễn Minh D1; địa chỉ: Lầu F, số D đường L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 483/2023/UQ-AMC ngày 13/7/2023);

Ông Đỗ Quốc D có mặt tại phiên tòa;

Bị đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm: 1970 và bà Đoàn Thị Lệ T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Số F đường A B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 17/5/2017, Ngân hàng TMCP N ký kết với ông Đặng Văn T và bà Đoàn Thị Lệ T1 Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0133/2017/908-CV, Giấy nhận nợ số 01/GNN-0133/2017/908-CV ngày 18/5/2017 để vay số tiền 500.000.000 đồng; Mục đích vay: Vay mua xe ô tô; Lãi suất: 12%/năm; Lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần; Thời hạn vay: 60 tháng (từ 18/5/2017 đến 18/5/2022); Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là xe ô tô, loại xe ô tô con Mitsubishi Pajero Sport GLS 7 chỗ, đã được đăng ký thế chấp theo quy định.

Ngày 23/08/2017, Ngân hàng TMCP N và ông T đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng thẻ tín dụng). Ngân hàng TMCP N đã cấp thẻ tín dụng cho ông T như sau: Số tài khoản thẻ: 69080351000001; Loại thẻ: Credit Quốc tế; Lãi suất: 27% (lãi quá hạn 40,5%); Hạn mức: 20.000.000 đồng.

Ngày 23/08/2017, Ngân hàng TMCP N và bà T1 đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và Bản các Điều khoản và Điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP N – các tài liệu này gọi chung là Hợp đồng thẻ tín dụng) số 0405/2017/908-CV. Ngân hàng TMCP N đã cấp thẻ tín dụng cho bà T1 như sau: Số tài khoản thẻ: 690802609530002; Loại thẻ: Credit Quốc tế; Lãi suất: 27% (lãi quá hạn 40,5%); Hạn mức: 20.000.000 đồng.

Sau khi được giải ngân, ông T, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để ông T, bà T1 trả nợ, nhưng ông T, bà T1 vẫn không thực hiện. Gần đây, ông T, bà T1 có biểu hiện bất hợp tác và không thiện chí giải quyết nợ vay với Ngân hàng.

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 09/3/2023, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 05/12/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại cổ phần N – ông Đỗ Quốc D yêu cầu Tòa án:*

Buộc ông Đặng Văn T và bà Đoàn Thị Lệ T1 trả ngay cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm tính đến ngày 05/12/2023, bao gồm:

- Dư nợ theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0133/2017/908-CV ngày 17/5/2017 là 260.178.200 đồng (Nợ gốc là: 166.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 94.178.200 đồng).

- Dư nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng, số tài khoản thẻ: 69080351000001 mang tên Đặng Văn T là: 50.593.400 đồng (nợ gốc là: 18.758.753 đồng, nợ lãi:

31.834.647 đồng).

- Dư nợ theo Hợp đồng thẻ tín dụng, số tài khoản thẻ: 690802609530002 mang tên **Đoàn Thị Lệ T1** là: 54.690.923 đồng (nợ gốc là: 18.266.938 đồng, nợ lãi: 36.423.985 đồng).

Đồng thời Ngân hàng yêu cầu ông **T**, bà **T1** tiếp tục chịu các khoản lãi trong hạn, lãi quá hạn, phí kể từ ngày 06/12/2023 cho đến khi ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1** thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Hợp đồng thẻ tín dụng đã ký.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 05/12/2023, Ngân hàng không cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

* *Đối với bị đơn – ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1***: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông **T**, bà **T1** vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn – ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1** – đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

* *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán chưa đảm bảo thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý và thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Tòa án nhân dân Quận 11 chấp nhận yêu cầu của **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** đối với ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1**:

- Buộc ông **T**, bà **T1** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 272.783.718 đồng theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0133/2017/908-CV ngày 17/5/2017. Trong đó, nợ gốc: 166.000.000 đồng, nợ lãi: 106.000.000 đồng.

- Buộc ông **Đặng Văn T** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 53.107.178 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/8/2017, số tài khoản thẻ: 69080351000001. Trong đó, nợ gốc: 18.758.753 đồng, nợ lãi: 34.348.425 đồng.

- Buộc bà **Đặng Thị Lệ T2** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 57.138.796 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày

23/8/2017, số tài khoản thẻ: 690802609530002. Trong đó, nợ gốc: 18.266.938 đồng, nợ lãi: 38.871.858 đồng.

Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 26/4/2024 trên số nợ gốc còn lại cho đến khi bị đơn trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng đã ký giữa Ngân hàng TMCP N và ông Đặng Văn T, bà Đoàn Thị Lệ T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

* Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Ông Đặng Văn T và bà Đoàn Thị Lệ T1 có ký Hợp đồng tín dụng số dư nợ giảm dần số 0133/2017/908-CV ngày 17/5/2017 và Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 23/8/2017 với Ngân hàng, nên có cơ sở xác định giữa ông T, bà T1 và Ngân hàng có giao kết hợp đồng tín dụng. Tranh chấp giữa Ngân hàng và ông T, bà T1 là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo kết quả xác minh của Công an P, Quận A: Ông Đặng Văn T và bà Đoàn Thị Lệ T1 hiện đang cư trú tại 6 đường A B, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án có cơ sở xác định ông T, bà T1 có nơi cư trú tại Quận A. Do vậy, vụ án dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

* Về người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Đặng Văn T và bà Đoàn Thị Lệ T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Ngân hàng Thương mại cổ phần N yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Văn T và bà Đoàn Thị Lệ T1 trả ngay cho Ngân hàng TMCP N số nợ tạm tính đến ngày 25/4/2024, bao gồm:

- Buộc ông T, bà T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 272.783.718 đồng theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0133/2017/908-CV ngày 17/5/2017. Trong đó, nợ gốc: 166.000.000 đồng, nợ lãi: 106.000.000 đồng.

- Buộc ông Đặng Văn T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 53.107.178 đồng theo Hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/8/2017, số tài khoản thẻ: 69080351000001. Trong đó, nợ gốc: 18.758.753 đồng, nợ lãi: 34.348.425 đồng.

- Buộc bà **Đặng Thị Lệ T2** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 57.138.796 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/8/2017, số tài khoản thẻ: 690802609530002. Trong đó, nợ gốc: 18.266.938 đồng, nợ lãi: 38.871.858 đồng.

Ngày 17/5/2017, **Ngân hàng TMCP N** ký kết với ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1** Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0133/2017/908-CV, Giấy nhận nợ số 01/GNN-0133/2017/908-CV ngày 18/5/2017; Ngày 23/08/2017, **Ngân hàng TMCP N** và ông **T** đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ; Ngày 23/08/2017, **Ngân hàng TMCP N** và bà **T1** đã ký kết Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm phương án vay vốn, hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ.

Ngân hàng và ông **T**, bà **T1** ký kết các Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần, Hợp đồng thẻ tín dụng trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về hình thức và nội dung nên là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định tại Điều 463, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Bị đơn nhận được tiền vay, nhưng sau đó không tiếp tục thanh toán tiền nợ gốc và lãi cho nguyên đơn nên vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các hợp đồng đã ký kết.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015, Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, hướng dẫn tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của **Ngân hàng N1**, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu các bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ bao gồm tiền nợ gốc, tiền nợ lãi là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Đối với tài sản đảm bảo khoản vay:

Để đảm bảo khoản vay tại Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0133/2017/908-CV, ngày 17/5/2017, **Ngân hàng N** và ông **T**, bà **T1** đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản để thế chấp tài sản là xe ô tô, loại xe ô tô con Mitsubishi Pajero Sport GLS 7 chỗ. Tuy nhiên, **Ngân hàng N** không yêu cầu Tòa án về việc xử lý tài sản trong trường hợp ông **T**, bà **T1** không trả được khoản nợ trên. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với hợp đồng thế chấp và tài sản đảm bảo.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát viên tham gia phiên tòa nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1** phải trả cho Ngân hàng số nợ tạm tính đến ngày 30/6/2023, bao gồm:

- Ông **T**, bà **T1** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 272.783.718 đồng, trong đó, nợ gốc: 166.000.000 đồng, nợ lãi: 106.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0133/2017/908-CV ngày 17/5/2017.

- Ông **Đặng Văn T** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 53.107.178 đồng, trong đó, nợ gốc: 18.758.753 đồng, nợ lãi: 34.348.425 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/8/2017, số tài khoản thẻ: 69080351000001.

- Bà **Đoàn Thị Lệ T1** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 57.138.796 đồng, trong đó, nợ gốc: 18.266.938 đồng, nợ lãi: 38.871.858 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/8/2017, số tài khoản thẻ: 690802609530002.

Kể từ ngày 26/4/2024, ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tương ứng các Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0133/2017/908-CV ngày 17/5/2017, Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/8/2017, số tài khoản thẻ: 69080351000001 mang tên **Đặng Văn T**, Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/8/2017, số tài khoản thẻ: 690802609530002 mang tên **Đoàn Thị Lệ T1** được ký kết giữa ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1** với **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn – ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

H lại số tiền tạm ứng án phí là 8.035.716 đồng cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** theo Biên lai thu số AA/2022/0009029 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 323 và Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần N**.

2. Buộc ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1** có nghĩa vụ thanh toán cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/4/2024, cụ thể:

- Ông **T**, bà **T1** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 272.783.718 (hai trăm bảy mươi hai triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn bảy trăm mười tám) đồng, trong đó, nợ gốc: 166.000.000 đồng, nợ lãi: 106.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0133/2017/908-CV ngày 17/5/2017.

- Ông **Đặng Văn T** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 53.107.178 (năm mươi ba triệu một trăm lẻ bảy nghìn một trăm bảy mươi tám) đồng, trong đó, nợ gốc: 18.758.753 đồng, nợ lãi: 34.348.425 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/8/2017, số tài khoản thẻ: 69080351000001.

- Bà **Đoàn Thị Lệ T1** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 57.138.796 (năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm chín mươi sáu) đồng, trong đó, nợ gốc: 18.266.938 đồng, nợ lãi: 38.871.858 đồng theo Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/8/2017, số tài khoản thẻ: 690802609530002.

Kể từ ngày 26/4/2024, ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1** còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tương ứng các Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0133/2017/908-CV ngày 17/5/2017, Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/8/2017, số tài khoản thẻ: 69080351000001 mang tên **Đặng Văn T**, Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 23/8/2017, số tài khoản thẻ: 690802609530002 mang tên **Đoàn Thị Lệ T1** được ký kết giữa ông **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1** với **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan Thi hành án có thẩm quyền.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông **Đặng Văn T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.474.952 (chín triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn chín trăm năm mươi hai) đồng.

Bà **Đoàn Thị Lệ T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.676.533 (chín triệu sáu mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi ba) đồng.

H lại cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.035.716 (tám triệu không trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm mười sáu) đồng cho **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** theo Biên lai thu số AA/2022/0009029 ngày 29/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn **Ngân hàng Thương mại cổ phần N** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn **Đặng Văn T** và bà **Đoàn Thị Lệ T1** vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Ngọc Diệp